

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 29-3-2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tất Đạt

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 74/2021/TLST-DS ngày 09/7/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1962, ông **Võ Q**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Q: Ông Phan Văn T, sinh năm 1991 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1968 và ông **Đỗ Q1**, sinh năm 1969 “cùng vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phan Văn T - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa như sau:

Do có mối quan hệ thân quen nên vào ngày 16/7/2020 dương lịch, vợ chồng bà Hồ Thị L, ông Võ Q có cho vợ chồng ông Đỗ Q1, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), để sử dụng trong gia đình và buôn bán cửa hàng tạp hóa, khi đó thỏa thuận lãi là 1,25%/triệu/tháng, việc trả nợ theo hàng tháng, cụ thể mỗi

tháng ông Q1, bà H phải trả cho bà L, ông Q 25.000.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền vay gốc cho đến khi trả hết số tiền gốc 2.000.000.000 đồng. Khi vay bà H là người viết giấy tay “giấy vay tiền” đề ngày 16/7/2020 và bà H ký tên phía dưới của giấy. Cùng ngày 16/7/2020 bà L, ông Q giao đủ số tiền 2.000.000.000 đồng cho bà H, ông Q1.

Tuy nhiên trong quá trình vay thì bà H, ông Q1 chỉ trả được cho bà L, ông Q số tiền lãi vay là 10.000.000 đồng vào tháng đầu tiên, sau đó thì không trả thêm được bất cứ khoản tiền nào khác. Bà L, ông Q đến nhà yêu cầu bà H, ông Q1 trả tiền nhiều lần nhưng họ cố tình trì hoãn, trốn tránh, sau đó thì tuyên bố với mọi người là mình bị “vỡ nợ”, nên không chịu trả thêm khoản tiền nào cả.

Do đó nay bà L, ông Q khởi kiện yêu cầu bà H, ông Q1 phải trả cho ông bà số tiền vay gốc 02 tỷ đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Lời trình bày của bị đơn ông Đỗ Q1, bà Huỳnh Thị H:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2021: Vào ngày 16/7/2020 dương lịch, chúng tôi có vay của vợ chồng bà L, ông Q số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), để buôn bán cửa hàng tạp hóa, khi đó thỏa thuận lãi là 1,25%/triệu/tháng, trả lãi hàng tháng là 25.000.000 đồng và trả tiền gốc 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết tiền gốc 2.000.000.000 đồng. Khi vay bà H là người viết giấy tay “giấy vay tiền” đề ngày 16/7/2020 và bà H ký tên phía dưới của giấy. Sau đó chúng tôi chỉ trả được cho bà L, ông Q số tiền lãi 10.000.000 đồng, ngoài ra chưa trả thêm được bất cứ khoản tiền nào khác, do chúng tôi làm ăn thua lỗ.

Nay bà L, ông Q khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền 2 tỷ thì chúng tôi đồng ý, nhưng do hoàn cảnh khó khăn chúng tôi xin được trả dần.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/10/2021: Chúng tôi đồng ý trả số tiền vay gốc 2 tỷ đồng cho nguyên đơn, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh chúng tôi quá khó khăn, chúng tôi không còn khả năng trả nợ.

Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, mà tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm Q1. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L, ông Võ Q về yêu cầu bị đơn ông Đỗ Q1, bà Huỳnh Thị H trả số tiền gốc vay 02 tỷ đồng. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm Q1: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Hồ Thị L, ông Võ Q thực hiện Q1 khởi kiện. Vì bị đơn ông Đỗ Q1, bà Huỳnh Thị H cư trú tại xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Đỗ Q1, bà Huỳnh Thị H có đến Tòa án làm việc trình bày lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; tuy nhiên hiện nay ông Q1, bà H vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q1, bà H.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị L, ông Võ Q yêu cầu bị đơn ông Q1, bà H trả số tiền gốc vay 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L ông Q cung cấp “giấy vay tiền” đề ngày 16/7/2020.

Xét thấy “giấy vay tiền” đề ngày 16/7/2020 là bản gốc, có chữ ký và viết họ tên của người vay bà Huỳnh Thị H, giấy do bà H tự viết thể hiện sự tự nguyện giao kết hợp đồng vay với bà L, ông Q để vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Giấy vay được người khởi kiện bà L, ông Q cung cấp, không bị xé bỏ, gạch xóa. Do đó đây là căn cứ chứng minh về việc vay tiền giữa các đương sự. Đồng thời bị đơn ông Q1, bà H cũng thừa nhận đã vay số tiền 2.000.000.000 đồng của bà L, ông Q vào ngày 16/7/2020 và chưa trả số tiền này. Do đó có căn cứ xác định việc ông Q1, bà H xác lập hợp đồng vay với bà L, ông Q là có thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, ông Q1, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền vay gốc và lãi hàng tháng như đã cam kết; bà L, ông Q đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện, do đó cần buộc bị đơn ông Q1, bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc 2.000.000.000 đồng cho bà L, ông Q là đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 288, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L, ông Võ Q.

Buộc bị đơn ông Đỗ Q1, bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) cho bà Hồ Thị L, ông Võ Q.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) ông Q1, bà H phải liên đới chịu.

Trả lại nguyên đơn bà Hồ Thị L, ông Võ Q số tiền tạm ứng án phí 36.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007710 ngày 08/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (do ông Phan Văn T nộp thay).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hải Ly

